TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH GIA LAI
Số: 360 A/QĐ-CTHADS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 30 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 359/QĐ-CTHADS, Quyết định số 360/QĐ-CTHADS ngày 30/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính kế toán, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách nhà nước được giao và phân bổ cho các đơn vị trực thuộc năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Tài chính kế toán Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
-Như Điều 3;
-Vụ Kế hoạch-Tài chính, TCTHADS (để b/c);
-Cục trưởng (để b/c);
-Lưu VT, TCKT.

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Quang

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH GIA LAI

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 360/QĐ- THADS, ngày 30/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	CụcTHADS	Chi cục THADS Tp Pleiku	Chi cục THADS H. Kbang	Chi cục THADS H. Đak Pơ	Chi cục THADS H. Kông Chro	Chi cục THADS H. Ia Pa
1	2	3	4=5+6+...	5	6	7	8	9	10
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**		**0**						
I	**Số thu phí, lệ phí**	**5.302.000**	**5.302.000**	**15.000**	**1.240.000**	**195.000**	**11.000**	**10.000**	**38.000**
1	Số thu được để lại 75%	**3.380.030**	**3.380.030**	9.563	790.500	124.313	7.013	6.375	24.225
	Số thu nộp ngân sách 25%	**1.921.970**	**1.921.970**	5.437	449.500	70.687	3.987	3.625	13.775
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**		**0**						
1	*Chi sự nghiệp*		**0**						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		**0**						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		**0**						
2	*Chi quản lý hành chính*	**1.484.216**	**1.484.216**	**4.208**	**347.820**	**54.698**	**3.086**	**2.805**	**10.659**
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	**1.484.216**	**1.484.216**	4.208	347.820	54.698	3.086	2.805	10.659
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	**3.000**	**3.000**						
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**		**0**						
1	*Lệ phí*		**0**						
	Lệ phí...		**0**						
	Lệ phí...		**0**						
2	Phí		**0**						
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**		**0**						
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	***35.103.239***	**70.206.478**	**13.624.588**	**7.993.400**	**3.375.260**	**2.504.500**	**2.490.002**	**2.178.058**
1	**Chi quản lý hành chính**	**35.103.239**	**35.103.239**	**6.812.294**	**3.996.700**	**1.687.630**	**1.252.250**	**1.245.001**	**1.089.029**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	**32.772.126**	**32.772.126**	6.457.181	3.846.700	1.598.630	1.237.250	1.215.001	1.079.029
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	**2.331.113**	**2.331.113**	355.113	150.000	89.000	15.000	30.000	10.000
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**		**0**						
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		**0**						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		**0**						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		**0**						

Người lập

Đvtính: 1000 đồng

Chi tiết											
Chi cục THADS H. Krông Pa	Chi cục THADS H. Chư Sê	Chi cục THADS H. Chư Pưh	Chi cục THADS H. Chư Prông	Chi cục THADS H. Đức Cơ	Chi cục THADS H. Chư Păh	Chi cục THADS H. Phú Thiện	Chi cục THADS H. Ia Grai	Chi cục THADS H. Đak Đoa	Chi cục THADS H. Ayun Pa	Chi cục THADS H. Mang Yang	Chi cục THADS TX. An khê
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
30.000	**639.000**	**843.000**	**498.000**	**26.000**	**90.000**	**42.000**	**527.000**	**703.000**	**5.000**	**81.000**	**309.000**
19.125	407.363	537.413	317.475	16.575	57.375	26.775	335.963	448.163	3.188	51.638	196.988
10.875	231.637	305.587	180.525	9.425	32.625	15.225	191.037	254.837	1.812	29.362	112.012
8.415	**179.240**	**236.462**	**139.689**	**7.293**	**25.245**	**8.781**	**147.824**	**197.192**	**1.403**	**22.721**	**86.675**
8.415	179.240	236.462	139.689	7.293	25.245	8.781	147.824	197.192	1.403	22.721	86.675
						3.000					
2.527.390	**4.937.510**	**2.878.460**	**4.541.462**	**2.444.672**	**2.479.804**	**2.861.424**	**3.670.888**	**2.820.180**	**2.545.504**	**2.823.808**	**3.509.568**
1.263.695	**2.468.755**	**1.439.230**	**2.270.731**	**1.222.336**	**1.239.902**	**1.430.712**	**1.835.444**	**1.410.090**	**1.272.752**	**1.411.904**	**1.754.784**
1.233.695	1.893.755	1.404.230	1.725.731	1.143.336	1.209.902	1.410.712	1.741.444	1.296.090	1.247.752	1.351.904	1.679.784
30.000	575.000	35.000	545.000	79.000	30.000	20.000	94.000	114.000	25.000	60.000	75.000

Gia Lai, ngày tháng năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Ngọc Quang